

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHÀ NƯỚC

TS. NGUYỄN CẢNH HIỆP

Tóm tắt: Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là một lĩnh vực quan trọng và được Nhà nước khuyến khích phát triển bằng nhiều chính sách, trong đó có việc ưu tiên cho các doanh nghiệp, dự án thuộc lĩnh vực này được sử dụng nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB). Tuy nhiên, thời gian qua, việc tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT vẫn còn hạn chế. Bài viết này nhìn lại quá trình thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực CNHT và đề xuất một số giải pháp nhằm mở rộng quy mô tài trợ tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực này.

Từ khoá: công nghiệp hỗ trợ, tín dụng ưu đãi, tín dụng đầu tư, bảo lãnh vay vốn, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Developing supporting industry via preferential credit from the State

Abstract: Supporting industry is an important field which is encouraged to develop by the State via many different policies, including priorities to enterprises and projects in this field to be funded from State's credit incentives through Vietnam Development Bank (VDB). However, the supply of preferential credit from the State to supporting industry is still limited up to now. This article reviews the implementation of the State's credit incentives policy on supporting industry and proposes some issues that need to be changed in order to broaden the supply of preferential credit from the State to this field.

Key words: supporting industry, preferential credit, investment credit, credit guarantee, Vietnam Development Bank

1. Đặt vấn đề

Lịch sử phát triển của các nước đã cho thấy, công nghiệp hỗ trợ (CNHT) có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, bởi CNHT là cơ sở để các nền kinh tế tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, là động lực trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng, hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính. Đối với các nước đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, CNHT càng có vai trò quan trọng.

Ở Việt Nam, thuật ngữ CNHT được nhắc tới và hình thành tương đối muộn do ảnh hưởng của một thời kỳ dài nền kinh tế được vận hành theo cơ chế tự cung tự cấp là chủ yếu, các doanh nghiệp trong nước thường tổ chức sản xuất theo lối khép kín và ít có sự liên kết với doanh nghiệp khác trong quá trình sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, với mục tiêu sớm đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công

ng nghiệp theo hướng hiện đại (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam. Mục tiêu tổng quát), việc phát triển CNHT nhằm tạo ra vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh làm tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng là vấn đề có tính sống còn đối với sự thành công của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mặt khác, trong xu thế hội nhập diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu nhằm khai thác tối đa các lợi thế của mình và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Tuy nhiên, do phần lớn doanh nghiệp của Việt Nam nói chung và doanh nghiệp thuộc ngành CNHT nói riêng đều là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiềm lực về vốn, công nghệ, nhân lực và trình độ quản lý rất hạn

chế, vì vậy, sự hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước, trong đó có chính sách ưu đãi về tín dụng, là rất cần thiết nhằm tạo ra những nền tảng về vốn, công nghệ và nhân lực thúc đẩy sự phát triển của sản phẩm CNHT cũng như các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm này.

2. Thực trạng sử dụng chính sách ưu đãi tín dụng để phát triển CNHT ở nước ta

2.1. Các chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước đối với CNHT

Ở nước ta, chính sách ưu đãi về tín dụng của Nhà nước đối với CNHT lần đầu tiên được chính thức quy định khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg về chính sách phát triển một số ngành CNHT. Theo đó, dự án sản xuất sản phẩm CNHT của một số ngành được xem xét vay một phần vốn tín dụng đầu tư (TĐĐT) của Nhà nước do VDB quản lý. Các ngành được hưởng chính sách ưu đãi đối với CNHT theo cơ chế

này bao gồm: cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt - may, da - giày và CNHT cho phát triển công nghiệp công nghệ cao.

Đi theo chính sách này, các quy định liên quan về TĐĐT của Nhà nước cũng được sửa đổi ngay trong năm 2011 với việc ban hành Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ, trong đó một nội dung quan trọng là bổ sung các dự án thuộc danh mục các ngành CNHT theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ vào Danh mục các dự án vay vốn TĐĐT.

Tuy nhiên, trước khi có chính sách cho vay vốn TĐĐT của Nhà nước đối với CNHT như trên, việc ưu đãi tín dụng của Nhà nước qua VDB đối với lĩnh vực này trên thực tế cũng đã được áp dụng khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng thương mại (NHTM) kèm theo Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg. Theo Quy chế này, một số loại doanh nghiệp(1) sản xuất sản phẩm CNHT được VDB xem xét bảo lãnh để vay vốn tại các NHTM với các điều kiện ưu đãi về tài sản bảo đảm và phí bảo lãnh, theo đó, doanh nghiệp được VDB bảo lãnh được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp tại VDB và chi

phải trả phí bảo lãnh tối đa bằng 0,5%/năm/số tiền được bảo lãnh.

Đến năm 2015, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển CNHT, chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước lại tiếp tục được áp dụng đối với CNHT. Theo đó, dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục ưu tiên phát triển được vay với lãi suất vay TĐĐT từ nguồn TĐĐT của Nhà nước tại VDB. Ngoài ra, doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án sản xuất kinh doanh sản phẩm CNHT còn có thể được VDB bảo lãnh để vay vốn tại các NHTM với mức bảo lãnh tối đa 85% tổng mức vốn đầu tư dự án theo quy định tại Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại NHTM ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ(2) (thay thế Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 60/2009/QĐ-TTg.

Những quy định nói trên đã tạo ra ưu đãi rất đáng kể về nguồn vốn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT, bởi nguồn vốn TĐĐT của Nhà nước do VDB cho vay có đặc điểm là thời gian cho vay khá dài, lãi suất không cao và tài sản bảo đảm chủ yếu là tài sản hình thành từ vốn vay; còn bảo lãnh của VDB đối với các doanh nghiệp thường có mức bảo lãnh tối đa cao hơn

và phí bảo lãnh thấp hơn so với các tổ chức tín dụng khác, trong khi tài sản bảo đảm cho bảo lãnh của VDB cũng thường là tài sản hình thành từ vốn vay.

2.2. Tình hình tài trợ tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT

Triển khai các chính sách của Nhà nước về tín dụng ưu đãi, trong những năm qua, VDB cũng đã thực hiện việc cho vay và bảo lãnh đối với một số dự án đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT. Tính đến hết năm 2016, VDB đã cho vay 01 dự án đầu tư (Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu CNHT Nam Hà Nội) với số vốn cam kết theo hợp đồng tín dụng là 791 tỷ đồng, trong đó đã giải ngân 762 tỷ đồng. Cùng với đó, VDB cũng đã bảo lãnh cho 13 doanh nghiệp vay vốn NHTM để sản xuất kinh doanh sản phẩm CNHT với số vốn cam kết bảo lãnh là gần 400 tỷ đồng, trong đó các NHTM đã giải ngân hơn 375 tỷ đồng.

Thông qua hoạt động cho vay và bảo lãnh của VDB, các doanh nghiệp CNHT được tháo gỡ phần nào khó khăn về nguồn vốn để triển khai hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu CNHT Nam Hà Nội với tổng diện tích quy hoạch lên tới 640 hecta sẽ tạo

CNHT LÀ CƠ SỞ ĐỂ CÁC NỀN KINH TẾ THAM GIA VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU, LÀ ĐỘNG LỰC TRỰC TIẾP TẠO RA GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HẠ GIÁ THÀNH VÀ NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHÍNH



Cần quy định mức vốn cho vay tối đa đối với dự án theo hướng cho phép dự án thuộc các lĩnh vực cần ưu tiên, trong đó có lĩnh vực CNHT

nền tảng quan trọng về cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp CNHT thuộc các lĩnh vực: cơ khí chế tạo, dệt may, da - giày, điện, điện tử, tin học, sản xuất và lắp ráp ô tô, công nghệ cao và các nhóm ngành công nghiệp phục vụ công nghệ cao...

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sự hỗ trợ về tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT thông qua hoạt động cho vay và bảo lãnh của VDB nhìn chung vẫn còn hạn chế. Quy mô tài trợ từ VDB đối với lĩnh vực CNHT chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn so với quy mô tài trợ của VDB đối với nền kinh tế cũng như so với quy mô tài trợ của các NHTM đối với lĩnh vực CNHT.

Nguyên nhân của tình trạng nói trên xuất phát từ những vướng mắc trong cơ chế, chính sách về cho vay vốn TDĐT của Nhà nước cũng như trong các quy định về bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại NHTM.

Đối với hoạt động cho vay vốn TDĐT, ngoài các yêu cầu nghiêm ngặt về đối tượng ưu đãi và thủ tục xác nhận ưu đãi đối với CNHT theo quy định của Chính phủ(3), các dự án đầu tư trong lĩnh vực CNHT để nghị sử dụng vốn TDĐT của Nhà nước còn phải tuân theo các quy định chặt chẽ về trình tự, thủ tục đầu tư và đấu thầu được áp dụng đối với dự án vay vốn TDĐT của Nhà nước. Đây là một điều kiện tương đối ngặt nghèo mà không phải doanh nghiệp nào cũng có thể đáp ứng đủ để được vay vốn TDĐT của Nhà nước, nhất là khi các doanh nghiệp CNHT đa phần là doanh nghiệp nhỏ và vừa, không có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng. Trong những



Thông qua hoạt động cho vay và bảo lãnh của VDB, các doanh nghiệp CNHT được tháo gỡ phần nào khó khăn về nguồn vốn để triển khai hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh

trường hợp đó, doanh nghiệp thường quay sang tìm kiếm sự tài trợ từ nguồn vốn của các NHTM với lãi suất và thời hạn cho vay kém hấp dẫn hơn nhưng không đòi hỏi các yêu cầu quá nghiêm ngặt về trình tự, thủ tục đầu tư.

Còn đối với hoạt động bảo lãnh của VDB, các vướng mắc phát sinh chủ yếu từ sự không thống nhất về trình tự thực hiện bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn NHTM giữa quy định tại Thông tư số 47/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định tại Thông tư số 29/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Theo đó, Thông tư số 47/2014/TT-BTC quy định VDB phát hành chứng thư bảo lãnh sau khi NHTM và doanh nghiệp ký hợp đồng tín dụng; còn Thông tư số 29/2014/TT-NHNN quy định VDB phát hành chứng thư bảo lãnh (trên cơ sở thông báo chấp thuận cho vay của NHTM) trước khi NHTM ký hợp đồng tín dụng với doanh nghiệp(4).

Những vướng mắc trên đây nếu không được tháo gỡ kịp thời thì việc mở rộng quy mô tài trợ vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT sẽ gặp nhiều khó khăn, không phát huy được hiệu quả như mong đợi.

3. Một số đề xuất nhằm mở rộng quy mô tài trợ tín

dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT

Với mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp (từ 2016 - 2020), theo đó, đến năm 2020, Việt Nam phải đạt mục tiêu có khoảng 1.000 doanh nghiệp CNHT đủ năng lực cung ứng cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, giá trị sản xuất công nghiệp của CNHT chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành công nghiệp, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa và xuất khẩu 25% giá trị sản xuất công nghiệp.

Để đạt được mục tiêu nói trên, việc đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển CNHT, đã được Chính phủ xác định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, trong đó bao gồm cả chính sách về ưu đãi tín dụng của Nhà nước, là hết sức cần thiết.

Hiện nay, Chính phủ đang xem xét sửa đổi chính sách về TDĐT của Nhà nước được quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP. Theo dự thảo Nghị định về TDĐT của Nhà nước đang được xây dựng, dự án thuộc danh mục các ngành CNHT theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục được đưa vào Danh mục các dự án vay vốn TDĐT của Nhà nước. Tuy nhiên, theo các điều khoản được đưa ra tại dự thảo Nghị định này, việc vay vốn của doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, bao gồm cả dự án của các ngành CNHT, sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với các quy định hiện nay. Theo đó, các dự án vay vốn TDĐT của Nhà nước sẽ phải chịu mức lãi suất tiệm cận với lãi suất của thị trường, thay cho mức lãi suất TDĐT đang áp dụng hiện nay(5). Quy định này nếu

ĐẾN NĂM 2020, VIỆT NAM PHẢI ĐẠT MỤC TIÊU CÓ KHOẢNG 1.000 DOANH NGHIỆP CNHT ĐỦ NĂNG LỰC CUNG ỨNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP LẮP RÁP VÀ TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

được đưa vào thực hiện sẽ gây ra khó khăn không nhỏ đối với các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp CNHT nói riêng trong việc tiếp cận nguồn vốn TDĐT của Nhà nước.

Ngoài ra, sự không thống nhất về trình tự bảo lãnh giữa quy định của Bộ Tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước nếu không được tháo gỡ cũng sẽ là một cản trở rất lớn trong việc triển khai Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại NHTM mà Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg, dẫn tới sự hạn chế về quy mô bảo lãnh của VDB cho các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp CNHT) trong việc vay vốn NHTM để đầu tư vào các dự án sản xuất.

Để tháo gỡ các vướng mắc nói trên, Chính phủ nên xem xét có những điều chỉnh trong các quy định về cho vay vốn TDĐT của Nhà nước, trong đó tập trung vào một số nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, về lãi suất cho vay: cần áp dụng cơ sở xác định lãi suất cho vay vốn TDĐT thấp hơn so với mặt bằng lãi suất cho vay chung của các NHTM, đồng thời giao quyền cho VDB xem xét quyết định áp dụng mức lãi suất cụ

thể đối với từng dự án căn cứ vào lĩnh vực đầu tư và khả năng sinh lời của dự án.

Thứ hai, về thời hạn cho vay: cần xem xét tăng thời gian cho vay tối đa lên 15-20 năm, thay vì tối đa 12 năm như hiện nay để phù hợp với đặc điểm của các dự án có thời gian thu hồi vốn kéo dài, trong đó bao gồm cả dự án CNHT.

Thứ ba, về mức vốn cho vay: cần quy định mức vốn cho vay tối đa đối với dự án theo hướng cho phép dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trong đó có lĩnh vực CNHT, được vay vốn TDĐT với mức cao hơn so với dự án thuộc các lĩnh vực khác.

Thứ tư, về thủ tục đầu tư: cho phép các dự án vay vốn TDĐT, bao gồm cả dự án của các doanh nghiệp CNHT không phải thực hiện các thủ tục trình tự đầu tư và đấu thầu như dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, để tháo gỡ những vướng mắc đối với nghiệp vụ bảo lãnh nhằm mở rộng quy mô bảo lãnh của VDB cho các doanh nghiệp CNHT vay vốn tại NHTM để đầu tư dự án, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước cũng cần sớm nghiên cứu để thống nhất quy định về trình tự bảo lãnh nêu tại Thông tư số

47/2014/TT-BTC và Thông tư số 29/2014/TT-NHNN nói trên.

4. Kết luận

Trong bối cảnh CNHT của nước ta đang còn kém phát triển và các doanh nghiệp CNHT còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, việc hoàn thiện chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước đối với lĩnh vực CNHT là một việc làm rất cần thiết, không chỉ tạo điều kiện để doanh nghiệp CNHT có thể sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, mà còn khuyến khích các NHTM đẩy mạnh cho vay đối với các doanh nghiệp CNHT thông qua hoạt động bảo lãnh của VDB.

Hy vọng rằng, với việc sửa đổi trong chính sách TDĐT và bảo lãnh vay vốn NHTM, việc cho vay đầu tư của VDB cũng như của các NHTM đối với các dự án CNHT sẽ được triển khai thuận lợi hơn, khả năng tiếp cận của doanh nghiệp CNHT đối với nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước cũng như nguồn vốn của các NHTM sẽ được nâng cao, góp phần tích cực vào việc thực hiện thành công chính sách khuyến khích của Chính phủ đối với lĩnh vực quan trọng này. ■

QUY MÔ TÀI TRỢ TỪ VDB ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CNHT CHIẾM TỶ TRỌNG CÒN KHIÊM TỐN SO VỚI QUY MÔ TÀI TRỢ CỦA VDB ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ CÙNG NHƯ SO VỚI QUY MÔ TÀI TRỢ CỦA CÁC NHTM ĐỐI VỚI LĨNH VỰC CNHT.



Sự hỗ trợ về tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với CNHT thông qua hoạt động cho vay và bảo lãnh của VDB nhìn chung vẫn còn hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Dự thảo Nghị định của Chính phủ về TDĐT của Nhà nước (thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011)
- Nghị định số 75/2011/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước
- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển CNHT
- Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08/10/2014 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển CNHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
- Thông tư số 29/2014/TT-NHNN ngày 09/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các NHTM

(Xem tiếp trang 39)